|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ID** | UC06 | **Tên** | | Chuyển khoản |
| **Mô tả** | Cho phép người dùng nạp tiền vào số điện thoại di động từ tài khoản ngân hàng của mình. | | | |
| **Tác nhân** | Khách hàng, Hệ thống ngân hàng | | | |
| **Normal flow** | Khách hàng | | Hệ thống | |
| 1. Người dùng chọn chức năng **"Nạp tiền điện thoại"** trên ứng dụng ngân hàng. | |  | |
|  | | 2. Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin. | |
| 3. Người dùng nhập **số điện thoại**, và số tiền cần chuyển | |  | |
|  | | 4. Hệ thống kiểm tra số dư tài khoản nguồn: | |
|  | | 4.1. Nếu đủ, chuyển sang bước tiếp theo. | |
|  | | 5. Hệ thống yêu cầu người dùng **xác thực OTP hoặc nhập mã PIN**. | |
| 6. Người dùng nhập mã xác thực. | |  | |
|  | | 8. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mã xác thực | |
|  | | 8.1. Nếu hợp lệ, hệ thống **xử lý giao dịch**, ghi nhận lịch sử và thông báo thành công. | |
|  | | 9. Hệ thống hiển thị kết quả giao dịch cho người dùng. | |
| **Abnormal flow** |  | | 3.1 Tình huống điền thông tin tài khoản, nếu nhập sai số tài khoản thì hệ thống yêu cầu nhập lại, có thể thay đổi ngân hàng | |
|  | | 4.2 Số dư không đủ, yêu cầu nhập lại số tiền | |
|  | | 8.2 mã pin không hợp lệ, yêu cầu nhập lại | |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống ngân hàng. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Nếu giao dịch thành công:   * Tiền được trừ khỏi tài khoản ngân hàng. * Tài khoản điện thoại được cộng tiền. * Lịch sử giao dịch được ghi nhận.   Nếu giao dịch thất bại:   * Số dư tài khoản không thay đổi. | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ID** | UC14 | **Tên** | | Nạp tiền điện thoại |
| **Mô tả** | Cho phép người dùng chuyển tiền từ tài khoản của mình đến tài khoản khác trong cùng ngân hàng hoặc ngân hàng khác. | | | |
| **Tác nhân** | Khách hàng, Hệ thống ngân hàng | | | |
| **Normal flow** | Khách hàng | | Hệ thống | |
| 1. Người dùng chọn chức năng **"Chuyển khoản"** trên ứng dụng ngân hàng. | |  | |
|  | | 2. Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin người nhận. | |
| 3. Người dùng nhập **số tài khoản** người nhận, và số tiền cần chuyển | |  | |
|  | | 4. Hệ thống kiểm tra số dư tài khoản nguồn: | |
|  | | 4.1. Nếu đủ, chuyển sang bước tiếp theo. | |
|  | | 5. Hệ thống yêu cầu người dùng **xác thực OTP hoặc nhập mã PIN**. | |
| 6. Người dùng nhập mã xác thực. | |  | |
|  | | 8. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mã xác thực | |
|  | | 8.1. Nếu hợp lệ, hệ thống **xử lý giao dịch**, ghi nhận lịch sử và thông báo thành công. | |
|  | | 9. Hệ thống hiển thị kết quả giao dịch cho người dùng. | |
| **Abnormal flow** |  | | 3.1 Tình huống điền thông tin tài khoản, nếu nhập sai số tài khoản thì hệ thống yêu cầu nhập lại, có thể thay đổi ngân hàng | |
|  | | 4.2 Số dư không đủ, yêu cầu nhập lại số tiền | |
|  | | 8.2 mã pin không hợp lệ, yêu cầu nhập lại | |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống ngân hàng. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Nếu giao dịch thành công:   * Tiền được trừ khỏi tài khoản người gửi. * Tiền được cộng vào tài khoản người nhận. * Lịch sử giao dịch được ghi nhận.   Nếu giao dịch thất bại:   * Số dư tài khoản không thay đổi. | | | |